

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI  
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 03/7/2023  
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Hân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Th Bình - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Dương Thị Thu Hồng - Chủ tịch hội LHPN xã Cẩm  
Ninh

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên

**- Đại diện VKSND huyện An Thi tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát  
viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST - HNGĐ ngày 05/4/2023 về việc ly  
hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 25/5/2023  
và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST- HNGĐ ngày 16/6/2023 giữa các  
đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1968 (có đơn đề nghị xét xử  
vắng mặt)

*Bị đơn:* Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Đều trú tại: AN, VN, AT, Hưng Yên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2023 và lời khai của ông Nh trình bày: Ông và  
bà Th đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ  
vào năm 1987. Sau khi cưới bà Th về ngay gia đình ông chung sống. Thời gian đầu  
vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng, đến năm 1991 vợ chồng ra ở riêng. Trong quá  
trình sinh sống tuy vợ chồng có bất đồng quan điểm sống nhưng vẫn tìm được tiếng  
nói chung, đến năm 1999 con cái đông, kinh tế khó khăn nên thống nhất ông đi làm  
ăn xa, thỉnh thoảng ông vẫn liên lạc với bà Th để hỏi thăm tình hình con cái, năm  
2015 ông về quê sinh sống nhưng hai vợ chồng luôn nảy sinh mâu thuẫn, cãi chửi  
nhau và tiếp tục ly thân cho đến nay nguyên nhân bà Th nghi ngờ ông có quan hệ  
ngoại tình, luôn gây áp lực cho ông. Do thời gian sống ly thân nhau đã dài, ông và bà  
Th đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn nhưng không hiệu quả, đến nay  
ông xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị

Tòa giải quyết cho ông được ly hôn bà Th

Về con chung: Vợ chồng ông có 04 con chung là Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn Long, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Th trình bày: Bà và ông Nh là người cùng làng, đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ vào tháng 6/1987. Sau khi cưới bà về ngay gia đình chồng chung sống, ông bà cùng chung sống với bố mẹ chồng, được 1 thời gian thì vợ chồng ra ở riêng. Kể từ năm 1987 là vợ chồng thì ông bà chung sống cùng nhau không nhiều, 03 năm ông Nh đi bộ đội, sau đó về thì vợ chồng bàn bạc với nhau để ông Nh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, khoảng vài năm ông Nh về sau đó lại đi. Đến năm 2015 ông Nh về hẳn, ông bà chỉ chung sống với nhau được 1 tháng thì mỗi người một nơi, là vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có tiếng nói chung. Đến nay, ông Nh xin ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà có 04 con chung là Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn Long, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Tại lời khai chị Nguyễn Thị Huyền (con gái của ông Nh, bà Th) trình bày: Ông Nh, bà Th kết hôn với nhau từ năm 1987. Ông bà chung sống với nhau không nhiều, khi chị lớn và biết thì ông Nh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, sau một thời gian trả được hết nợ thì ông Nh, bà Th mới xảy ra xích mích, tuy nhiên khoảng cách hai người cũng xa nên không có gì thay đổi. Năm 2015, ông Nh về nhà ở, ông bà chung sống với nhau như thế nào chị không rõ nhưng được một thời gian ngắn thì ông Nh vào trong Nam ở, có việc thì ông Nh mới về, sau vài năm ông bà sống xa nhau như vậy, đến nay ông Nh xin ly hôn, việc ông bà có tiếp tục chung sống với nhau được nữa hay không là quyền của ông bà. Sau thời điểm thụ lý vụ án, gia đình chị đã họp, các con cũng tham gia nhưng ông Nh vẫn kiên quyết ly hôn.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Văn Nhuệ: Ông Nh, bà Th là vợ chồng, có thời gian chung sống với nhau tại địa phương, sau đó ông Nh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến năm 2015 ông Nh về nước và tiếp tục chung sống tại địa phương, sau một thời gian ông Nh vào Nam. Quá trình chung sống ông Nh, bà Th có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Về con chung: Ông Nh, bà Th có 04 con chung là Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn Long, sinh năm 1997.

Về tài sản chung, công nợ: UBND xã không nắm được

Ngày 19/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi đã tiến hành hòa giải ông Nh, bà Th. Ông Nh, bà Th đã thống nhất được toàn bộ các vấn đề cần giải quyết trong vụ

án nên TAND huyện Ân Thi đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Đến ngày 24/5/2023, bà Th thay đổi nội dung tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/5/2023 với lý do thủ tục tài sản chưa xong.

Tại phiên tòa: Ngày 16/6/2023, ông Nh có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà Th được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 1, HĐXX hoãn phiên tòa

Ngày 03/7/2023, ông Nh có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà Th được triệu đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 1, 3 điều 228; điều 238 xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

***\* Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nh: xử cho ông Nh được ly hôn bà Th.

+ Về con chung: Có 04 con chung là chị Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1988, chị Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1991, chị Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1994 và anh Nguyễn Văn Long, sinh năm 1997. Các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Ông Nh phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nh, bà Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ vào năm 1987. Do đó quan hệ hôn nhân giữa ông Nh, bà Th là hợp pháp. Nay ông Nh có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Bà Th đang cư trú tại AN, VN, AT nên việc

giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Ông Nh, bà Th xác định trong cuộc sống vợ chồng không chung sống nhiều với nhau, cả hai đều xác định quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn bà Th. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng ông Nh, bà Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông Nh, bà Th thuận tình ly hôn tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/5/2023. Ngày 24/5/2023, bà Th thay đổi nội dung biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vì lý do thủ tục tài sản chưa xong nhưng bà Th không yêu cầu Tòa giải quyết. Xét hôn nhân của ông Nh, bà Th nhận thấy ông Nh, bà Th đã ly thân nhau thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài mà ông Nh, bà Th không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình đã tích cực hòa giải nhưng không có kết quả, hơn nữa việc xây dựng hạnh phúc gia đình yếu tố tình cảm phải được đặt lên trên hết nhưng cả hai đều xác định không còn tình cảm, bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa ông Nh, bà Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Nh, bà Th không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nh là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Nh, bà Th có 04 con chung là Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1988, chị Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1991, chị Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1994 và anh Nguyễn Văn Long, sinh năm 1997. Các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Ông Nh, bà Th không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra giải quyết

[5] Về án phí: Ông Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147, khoản 1,3 điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn Nh được ly hôn bà Phạm Thị Th

2- Về con chung: Ông Nh, bà Th có 04 con chung là Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1988, chị Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1991, chị Nguyễn Thị Nhung, sinh năm

1994 và anh Nguyễn Văn Long, sinh năm 1997. Các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Ông Nh, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Ông Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0003127 ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Ông Nh đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Ông Nh, bà Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

-Phòng GD&ĐT;

-VKSND + THADS huyện;

-Đương sự;

-UBND xã Văn Nhuệ, Ân Thi, Hưng Yên;

-Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Bá Hân**

